

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/07/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP02+RC5+RC6	7:25	22+0+0	0+0+0		21+0+1	0+0+0	Chuyến 1 pax từ RC5-RC6
2		CTK3+BK9+TD1	7:25	16+5+1	0+0+0		7+5+8	0+0+0	Chuyến 2 pax từ CTK3-TD1
3		VSP02+RCDM+BK14	9:25	14+0+5	0+0+0		12+0+8	0+0+0	Chuyến 5 pax từ RCDM- BK14
4		HST+P7+TD2	9:25	6+13+0	0+0+0		5+0+9	0+0+0	
5		TD5+PVD2+PPD	11:25	1+5+14	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
6		BK14+CTK3+BK5	11:25	12+10+0	0+0+0		3+17+2	0+0+0	
7		BK9+PPD+CTK3	13:25	4+10+8	0+0+0		1+11+7	0+0+0	Chuyến 2 pax từ PPD-CTK3
8		TFC2+AMD+TGTH5	13:25	0+14+17+0	0+0+0		0+17+0	0+0+0	Chuyến 4 pax từ AMD- TGTH5

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ĐI VÀ VỀ DD3 QUA BK14 2/ BK9 1 AT ĐI VỀ TRONG NGÀY



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/07/2018	TO: VSP02 - RC5 - RC6	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hanh - MTHAO - Luy	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRIANDOFILIDI Y.I	VSP02	29	1	10		100	KH-THAC	Russian
2	ORLOV I.V	VSP02	31	1	10		90	KH-THAC	Russian
3	POPOV A.A	VSP02	32	1	7		76	KH-THAC	Russian
4	NGUYEN TRONG KHOI	VSP02	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	POKLONSKIY A.S.	VSP02	22	1	2		85	KH-THAC	Russian
6	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	VSP02				70	75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	16	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	LE CONG HOAN	VSP02					62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC QUANG	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH THAO	VSP02					62	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	33	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VIET NGOC	VSP02	30	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	VÔ TÂN LINH	VSP02	14	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO VĂN KHA KHA	VSP02	13	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN QUỐC HOAN	VSP02	21	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ ĐỨC TRI	VSP02	20	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI XUAN TIEN	VSP02	18	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN KINH	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ NGỌC DUNG	VSP02	15	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN HỮU KHÁNH	VSP02	23	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	HA MANH THANG	VSP02	19	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN MANH HA	VSP02	17	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	17	93	1.563	70	21		CHUYEN 01 PAX TU RC5 SANG RC6
2	RC5	0	0	0	0	20	0 + 1		
3	RC6	0	0	0	0	15	1		
TOTAL		22	17	93	1.563	105	22		
WEIGHT KG				93	1.563	105			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/07/2018	TO: CTK3 - BK9 - TD1	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Văn - DUONG - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH BA NINH	CTK3	27-28	2	15		56	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN KHAC THANG	CTK3	36	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN HUU BAO	CTK3	37	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
4	LUYEN VAN THIEU	CTK3	39	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN XUAN THANH	CTK3	38	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG XUAN HIEU	CTK3	33	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG KIM	CTK3	31	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI KHAC PHONG	CTK3	35	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC TUONG	CTK3	30	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG HAI	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
11	DOAN QUANG TUAN	CTK3	32	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TUAN	CTK3	29	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
13	HA MINH GIANG	CTK3	34	1	2		81	KH-THAC	Vietnamese
14	FIRSOV	BK9	70	1	2	60	95	ANTOAN	Russian
15	LE VAN BINH	BK9					72	KH-THAC	Vietnamese
16	DANG QUANG HUY	BK9	74-75	2	13	CARGO	75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN DUC CUONG	BK9	69	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN NGOC CHINH	BK9	73	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
19	DANG QUOC DAT	TD1	36	1	12	25	75	DVL	Vietnamese
20	VO CHI THANH	TD1	37	1	9		75	DVL	Vietnamese
21	CHU DINH THANH	TD1	35	1	5		51	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	13	13	56	895	0	7	2	CHUYEN 02 PAX TU CTK3 SANG TD1
2	BK9	5	5	31	392	60	5	60	
3	TD1	3	3	26	201	25	8	25	
TOTAL		21	21	113	1.488	85	20		
WEIGHT KG				113	1.488	85			

GRAND TOAL: 1.686 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/07/2018	TO: VSP02 - RCDM - BK14	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Văn - DUONG - Năm	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI HUY BINH	VSP02					80	KH-THAC	Vietnamese
2	VU THAI SON	VSP02	39	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
3	LE XUAN BINH	VSP02	35	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
4	LE QUANG ANH HUNG	VSP02	34	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO ĐUC CHU	VSP02	42	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DINH DUONG	VSP02	45	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN GIAP	VSP02	44	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
8	LU SON	VSP02	37	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
9	TO VAN HUNG	VSP02	43	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN CONG QUAN	VSP02	41	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐO TRUNG DUNG	VSP02	36	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN QUYET	VSP02					55	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG CUONG	VSP02	38	1	10		85	ANTOAN	Vietnamese
14	BUI VAN THOAI	VSP02					71	YTE	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN DUNG	VSP02	40	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	LE VAN TOAN	BK14	89	1	4	60	64	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐAO KIM CUONG	BK14	500	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
18	VU DINH HUY	BK14	99	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM VAN TUYEN	BK14					67	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN TIEN CUONG	BK14	20	1	3		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	15	12	59	1.028	0	12		
2	RCDM	0	0	0	0	35	0 +5		CHUYEN 05 PAX TU RCDM SANG BK14
3	BK14	5	4	14	313	60	8		
TOTAL		20	16	73	1.341	95	20		
WEIGHT KG				73	1.341	95			

GRAND TOAL: 1.509 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/07/2018	TO: HST - P7 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Hanh - MTHAO - Luy	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAN CANH THINH	HST	59-60	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
2	SRI GANESH J B KRISHNARAJAH	HST	65-66	2	17		60	KH-THAC	Malaysian
3	ĐỖ THỂ THANH	HST	56-57	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TUẤN CHUNG	HST	58	1	7	15	65	KH-THAC	Vietnamese
5	LE MINH THUẬN	HST	61-62	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HOANG LONG	HST	63-64	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ANH QUANG	P7	59	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
8	LE THANH HIẾU	P7	65	1	7		67	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TÙNG	P7	63	1	7		75	CODIEN	Vietnamese
10	LE NGỌC TUẤN	P7	51	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN BÀ SƠN	P7	57-58	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC QUANG	P7	54	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC HOÀ	P7	55	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HOÀN	P7	56	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ TIẾN PHÁT	P7	60-61	2	17	30	67	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC TUẤN	P7	52-53	2	15	40	80	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN VĂN HUYỀN	P7	68-69	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐÀO NGUYỄN DU MẠC	P7	66	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
19	TÔ NGỌC SƠN	P7	62	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LINH	P7	64	1	5		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	6	11	68	414	15	5		
2	P7	14	18	142	962	70	0		
3	TD2	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		20	29	210	1.376	85	16		
WEIGHT KG				210	1.376	85			

GRAND TOAL: 1.671 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/07/2018	TO: TD5 - PVD2 - PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Khang - CHIEN - NNam	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SAFONOV BORIS	TD5	96	1	10	112	82	KHOAN	Russian
2	SADOVNICHENKO	PVD2	04	1	10	15	95	KHOAN	Russian
3	LE PHU PHUC	PVD2	05	1	7		81	DVL	Vietnamese
4	VU DINH TUAN	PVD2	01	1	12		85	DVL	Vietnamese
5	TRAN VAN NGHIA	PVD2	03	1	12	21	86	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN DUC DUNG	PVD2	02	1	5		67	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC PHUONG	PPD	71	1	8	17	63	CODIEN	Vietnamese
8	PHAM VAN MUNG	PPD	66	1	3	15	79	KHI	Vietnamese
9	BUI VAN VIEN	PPD	67	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐANG VAN NINH	PPD					69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO VIET ANH	PPD					84	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN CAO CUONG	PPD	68	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN CHUNG	PPD	65	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN HOAI BAO	PPD	61	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN SINH	PPD	62	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN THANH TRI	PPD	70	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO DUC VONG	PPD					65	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐO DUC QUAN	PPD	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI NANG PHONG	PPD	63	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN SON	PPD	64	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	1	1	10	82	112	0		
2	PVD2	5	5	46	414	36	4		
3	PPD	14	11	64	989	32	18		
TOTAL		20	17	120	1.485	180	22		
WEIGHT KG				120	1.485	180			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/07/2018	TO: BK14 - CTK3 - BK5	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - N ^u	ETA: 13:35
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN NAM	BK14	67	1	10		65	DVL	Vietnamese
2	MESHKOV M.Y	BK14	73	1	10		80	DVL	Russian
3	PHAM VAN THO	BK14	79-80	2	14		68	DVL	Vietnamese
4	THAI HOANG HAI	BK14	74-75	2	12		90	DVL	Vietnamese
5	NGO QUANG HUY	BK14	77	1	10	22	80	DVL	Vietnamese
6	PHAM HOANG GIANG	BK14	71-72	2	17		70	DVL	Vietnamese
7	RATTASIT SITTITOL	BK14	68-69	2	15		66	KHOAN	Thailand
8	VU TUAN ANH	BK14	76	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN QUANG KY	BK14	81	1	12		66	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG HUNG	BK14	33	1	15		63	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN DUY ANH	BK14	35-36	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM HUU ANH	BK14	70	1	5		55	PSV	Vietnamese
13	TRUONG QUOC BAO	CTK3	46	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN DUY PHUONG	CTK3	45	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM THANH QUANG	CTK3	44	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LE THANH LIEM	CTK3	47	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐAO TRỌNG HIỆP	CTK3	40-41	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
18	TRUONG DINH HUY	CTK3	49	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN DAN QUE	CTK3					78	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN DUC HANH	CTK3	43	1	2		77	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TUAN	CTK3	48	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN MINH TUAN	CTK3	42	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	12	17	141	831	22	3		
2	CTK3	10	10	50	688	0	17		
3	BK5	0	0	0	0	80	2		
TOTAL		22	27	191	1.519	102	22		
WEIGHT KG				191	1.519	102			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.
[Signature]

VNH REP.
[Signature]

CAPTAIN
[Signature]



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/07/2018	TO: BK9 - PPD - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 14:00
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Khang CHIEN - N Nam	ETA: 15:40
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM HONG PHONG	BK9	77	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VAN TIEP	BK9	13-14	2	13		76	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN HUY	BK9	11	1	12	40	76	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VAN NGHI	BK9	12	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN NANG	BK9	10	1	7		63	PSV	Vietnamese
6	BUI VAN DAO	PPD	81	1	7		95	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MANH CUONG	PPD	74	1	4	110	78	KH-THAC	Vietnamese
8	BIEN MINH SON	PPD	78	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VAN VIET	PPD	75	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN DANG QUANG	PPD	77	1	9		54	KH-THAC	Vietnamese
11	MAI MANH KHANH CUONG	PPD	76	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI TRONG NHAN	PPD	82-83	2	7		62	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG QUANG HUY	PPD	80	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN DANG TUAN	PPD	79	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM QUANG THAI	CTK3	78	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
16	SKOROBOGATKO AN	CTK3	79	1	20		91	KH-THAC	Russian
17	KAZIKOV	CTK3	76-77	2	14		100	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	5	6	54	359	40	12		
2	PPD	9	10	51	650	110	11+2		CHUYEN 2 PAX TU PPD SANG CTK3
3	CTK3	3	4	37	273	0	1		
TOTAL		17	20	142	1.282	150	14		
WEIGHT KG				142	1.282	150			

GRAND TOAL: 1.574 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/07/2018	TO: TTC2 - AMD - TGTH5	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:05
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - Vũ	ETA: 15:45
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GLYBOVSKI ANATOLI	TTC2	11	1	8		83	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN THE HOI	TTC2	13	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
3	VU DINH LOI	TTC2	12	1	8	15	57	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐANG ĐỨC THUẬN	TTC2	10	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN DAI NGHIA	AMD	25-26	2	13		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO SY KHOI	AMD	33	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HANG HAI	AMD	35	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
8	LE TRI TRUNG	AMD	17	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG TRUNG KIEN	AMD	15	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ANH KHOA	AMD	24	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	VADIM BOGACHEV (PVDT)	AMD	23	1	14		85	KH-THAC	Russian
12	THAI THANH THAO	AMD	34	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
13	LE HOANG HONG SANG	AMD	29-30	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHI MANH HAI	AMD	36	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH TAN	AMD	16	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VIET THANG	AMD	20	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN MINH	AMD	27-28	2	5		77	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI SONG TOAN	AMD	37	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
19	VU HUU QUYET	AMD	31-32	2	8		67	KH-THAC	Vietnamese
20	RAGUNATHAN SELVARAJAN	AMD	18-19	2	12		80	KH-THAC	Malaysia
21	LE HUU HUNG	AMD	21-22	2	24		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	4	4	31	279	15	0		
2	AMD	17	23	162	1.241	0	17	+4	CHUYEN 4 PAX AMD SANG TGTH5
3	TGTH5	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	27	193	1.520	15	17		
WEIGHT KG				193	1.520	15			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPEIRO
TRƯỜNG BAN ĐDĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/07/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về				Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng			
1		P4+CTK3+VSP02	7:25	4+18+0	0+0+0		1+18+3	0+0+0			
2		RP3-TD1+CLO	7:25	8+0+13	0+0+0		2+1+19	0+0+0		<i>Biên bản RP</i>	
3		BK10+BK4+TD1	7:25	7+5+8	0+0+0		4+0+14	0+0+0			
4		T.UNG	7:25	17	0		19	0			
5		RC3+PPD+BK14	9:25	4+18+0	0+0+0		0+13+9	0+0+0			
6		RP2+BK16+P5	9:25	10+5+7	0+0+0		9+5+5	0+0+0			
7		AMD+HSD+AMD	9:25	17+2+0	0+0+0		0+0+22	0+0+0		Chuyến 5 pax từ AMD-HSD	
8		CTK3+P8+PPD	11:25	19+0+3	0+0+0		9+0+13	0+0+0		Chuyến 10 pax từ p8-ppd	

TTBĐSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2018	TO: P4 - CTK3 - VSP02	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ TRỌNG NGHĨA	P4	33-35	3	15	20	65	CODIEN	Vietnamese
2	LƯU VĂN DÂN	P4	36	1	12		62	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LÊM	P4	32	1	11		70	CODIEN	Vietnamese
4	ĐOÀN ĐÌNH DŨNG	P4	37-38	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
5	HỒ ANH QUỐC	CTK3	88	1	6	55	74	KH-THAC	Vietnamese
6	TRỊNH QUỐC HUY	CTK3	99	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HIẾN	CTK3	87	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN SAU	CTK3	93	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY HÀ	CTK3	89	1	9		85	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN DŨ	CTK3	83	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ MINH ĐỨC	CTK3	85-86	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
12	TSVETKOV A	CTK3	82	1	7		103	KH-THAC	Russian
13	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	84	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN BA HUỆ	CTK3	90	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ THÀNH CHUNG	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN HÈ	CTK3	92	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN ANH ĐÔNG	CTK3	80	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH KHÔI	CTK3	81	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN QUỐC KHIÊM	CTK3					89	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI HUU HUAN	CTK3	91	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI SY LONG	CTK3	94-95	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM XUÂN HOA	CTK3					75	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	4	7	56	264	20	1		
2	CTK3	18	17	95	1.317	55	18		
3	VSP02	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	24	151	1.581	75	22		
WEIGHT KG				151	1.581	75			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2018	TO: RP3 - TD1 - CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Khang - CHIÊN - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ QUANG LỤC	TD1	07	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
2	HA MINH TUAN	TD1	03	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN PHI HUNG	TD1	01	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TUONG TU	TD1	05	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	LAI ĐỨC LAM	TD1	04	1	5	60	67	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC THAI	TD1	02	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC TUAN	TD1	08	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VIỆT THÀNH	TD1	08-09	2	10		68	KHOAN	Vietnamese
9	ANDRIUSHENKO O.A	CLO	76	1	10	60	130	KHOAN	Russian
10	ZHIGALO VASILLI	CLO	77	1	10		100	KHOAN	Russian
11	TÔ ANH TUAN	CLO	75	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN PHU VINH	CLO	68	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN TUAN	CLO					65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN CHI NGHIỆP	CLO	79	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN SY LONG	CLO	74	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN PHON	CLO	71	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
17	LAM XUAN TU	CLO	72	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN VINH	CLO	70	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
19	ĐẶNG DUY LY	CLO	69	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN DUY	CLO	78	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN HONG PHUOC	CLO	73	1	6		71	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	0	0	0	0	0	1		
2	TD1	8	9	49	583	60	0		
3	CLO	13	12	70	993	60	21		
TOTAL		21	21	119	1.576	120	22		
WEIGHT KG				119	1.576	120			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2018	TO: BK10 - BK4 - TD1	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: PHÚ - Cương - HTNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG TIÊN TOÀN	BK10	43-44	2	15		68	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN HOÀN	BK10	42	1	15		56	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC DŨ	BK10	52-53	2	10		72	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN TRƯỜNG	BK10	50	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
5	HOÀNG THÁI TÀI	BK10	47-49	3	15		60	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH NGỌC	BK10	45-46	2	15	35	88	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ TỬ KHÁ	BK10	54-55	2	12	38	83	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ĐỨC	BK4	64	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TÂM	BK4	63	1	15		77	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	BK4	65	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC TRI	BK4	62	1	8	66	70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC TUẤN	BK4	66-67	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG HẢO	TD1	46	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	TD1	42-43	2	15		71	NHA THAU	Vietnamese
15	KURPASOV	TD1					75	KH-THAC	Russian
16	NGUYỄN HỮU TẤN	TD1	48	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ TRUNG KIẾN	TD1	49	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN BẠC	TD1	40-41	2	10		58	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ BẬT THƯỜNG	TD1	44-45	2	15		78	CODIEN	Vietnamese
20	NGÔ TRUNG LUYẾN	TD1	47	1	8		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	7	13	92	499	73	4		
2	BK4	5	6	57	365	66	0		
3	TD1	8	10	71	592	0	18		
TOTAL		20	29	220	1.456	139	22		
WEIGHT KG				220	1.456	139			

GRAND TOTAL: 1.815 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 619 618	ETD: 07:27
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: KIEN - HHai	ETA: 10:40
trang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ TUẤN MẠNH	BK THIE	11	1	3		65	PVD	Vietnamese
2	HUYNH HIEU NGHIA	BK THIE	06	1	8		77	PVD	Vietnamese
3	NGUYEN DUY TUAN	BK THIE	12	1	7	77	80	PVD	Vietnamese
4	PHAN QUANG HOA	BK THIE	03	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
5	KIEU XUAN TAM	BK THIE	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO DUY TU	BK THIE	10	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN TRỌNG	BK THIE	02	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THANH HAI	BK THIE	13	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VAN THI	BK THIE					75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HUY DU	BK THIE	08	1	4		92	KH-THAC	Vietnamese
11	VÔ NGỌC THAI SƠN	BK THIE	14-15	2	12		65	CODIEN	Vietnamese
12	CAO QUANG HUNG	BK THIE	21	1	8		105	CODIEN	Vietnamese
13	ĐỖ MINH HỘI	BK THIE	09	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	ĐỖ ĐẶNG THANH	BK THIE	07	1	5		65	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN VAN QUANG	BK THIE					68	PSV	Vietnamese
16	PHẠM HUNG SƠN	BK THIE	04	1	5		58	PSV	Vietnamese
17	HA VAN THIEU	BK THIE	01	1	5		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	17	16	86	1.233	77	19		
	TOTAL	17	16	86	1.233	77	19		
	WEIGHT KG			86	1.233	77			

GRAND TOAL: 1.396 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2018	TO: RC3 - PPD - BK14	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - Toàn	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TA NGOC THANH	RC3	55	1	14		73	KH-THAC	Vietnamese
2	LE HONG LINH	RC3	56	1	9	20	80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC HUNG	RC3	58	1	7	60	67	KH-THAC	Vietnamese
4	LE THANH BINH	RC3	57	1	6	35	62	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH NAM LONG	PPD	01	1	9		70	KHI	Vietnamese
6	PHUNG PHU SUA	PPD	03	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MANH CHIEN	PPD	05	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH VAN HAI	PPD	15	1	3	8	53	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HA	PPD	02	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN PHUONG	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN GIANG	PPD					55	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG NGOC TRUONG	PPD	07	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRINH DUY NAM	PPD	11	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN TAN	PPD	13	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM NGOC ANH	PPD	06	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	DUONG DAI THANG	PPD	14	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRUONG GIANG	PPD					63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN MANH THANG	PPD	08	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG CUONG	PPD	09	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRUONG TRI DUNG	PPD	10	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	LUONG VAN TANG	PPD	12	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
22	NGO MANH HUNG	PPD	04	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	4	4	36	282	115	0		
2	PPD	18	15	66	1.193	8	13		
3	BK14	0	0	0	0	30	9		
TOTAL		22	19	102	1.475	153	22		
WEIGHT KG				102	1.475	153			

GRAND TOAL: 1.710 KGS + 20kgs

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2018	TO: P5 - BK16 - RP2	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: PHÚ - Cương - HTNam	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HOÀNG	P5	60	1	9	40	63	PVD	Vietnamese
2	LE MINH SỸ	P5	61	1	4		70	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN KHANH HUNG	P5	63	1	6		69	CODIEN	Vietnamese
4	ĐOÀN XUÂN CUÔNG	P5	59	1	10		74	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN TUẤN ANH	P5	57-58	2	16		75	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN CUÔNG	P5	55-56	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TRUONG	P5	62	1	10		65	PSV	Vietnamese
8	VŨ VĂN TIÊN	BK16				30	66	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HUNG	BK16					69	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ MINH THĂNG	BK16	92	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUYẾT THĂNG	BK16	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN XUÂN HOA	BK16					71	PSV	Vietnamese
13	TRẦN CAO MONG	RP2	02	1	6	40	54	GETRACO	Vietnamese
14	BUI VAN TUAN	RP2	05	1	5		53	GETRACO	Vietnamese
15	TRẦN DUY HUNG	RP2	07	1	4		58	GETRACO	Vietnamese
16	CAO DUY LUNG	RP2	06	1	6		55	GETRACO	Vietnamese
17	PHẠM ANH TỬ	RP2	08-09	2	12		72	GETRACO	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY CẢNH	RP2	03	1	4		52	GETRACO	Vietnamese
19	PHAN MẠNH LINH	RP2	04	1	2		63	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	7	9	75	483	40	5		
2	BK16	5	2	10	342	30	5		
3	RP2	7	8	39	407	40	12		
TOTAL		19	19	124	1.232	110	22		
WEIGHT KG				124	1.232	110			

GRAND TOAL: 1.466 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2018	TO: AMD - HSD - AMD.	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Khang - CHIÊN - Năm	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PETE BALL	AMD	71-72	2	15		110	KH-THAC	British
2	TRINH THUONG MAI	AMD	73	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI XUAN TAO	AMD	68	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
4	LE THANH HAI	AMD	74	1	5	80	90	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM NGOC TUAN	AMD	61-62	2	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HIEU	AMD	56-57	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VIET THANG	AMD	53	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG MINH ĐỨC (PVDT)	AMD	60	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TANG XUAN HAI (PVDT)	AMD	52	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	59	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN VIET	AMD	51	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NGHIẾP	AMD	58	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN THIN	AMD	63	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN KHOA TRUONG	AMD	66-67	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
15	QUAN DUC THANG	AMD	64-65	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN THUY	AMD	69-70	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRUNG KIEN	AMD	54-55,79	3	12		70	KH-THAC	Vietnamese
18	LUU ANH HUNG	HSD	20-21	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
19	STEPHEN JOHN NICOYCO	HSD	22-23	2	17		80	KH-THAC	Filipino

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	25	141	1.223	80	0	5	CHUYEN 5 PAX AMD SANG HSD
2	HSD	2	4	32	160	0	0		
3	AMD.	0	0	0	0	0	22		
TOTAL		19	29	173	1.383	80	22		
WEIGHT KG				173	1.383	80			

GRAND TOAL: 1.636 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/07/2018	TO: CTK3 - P8 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:30
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Hạnh - KHAI - Toan	ETA: 13:10
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HÔNG ĐẠI	CTK3	95	1	5		73	D-HANH	Vietnamese
2	TRINH MINH ĐỨC	CTK3	497	1	8		67	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG VINH	CTK3	96	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	52-53	2	4		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC THAI	CTK3	97	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	498	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH NHỎ HOÀNG	CTK3	58	1	7		87	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ CANH HUNG	CTK3	56	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NHAN KHANH	CTK3	50	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ QUANG THANG	CTK3	94	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ HỮU HÀ	CTK3	93	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH HUNG	CTK3	55	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MƯỜI	CTK3	800	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN BÌNH	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	57	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
16	LIU ĐỨC TUÂN	CTK3	98-99	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM QUỐC CƯỜNG	CTK3	51	1	2		77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN DŨNG	CTK3	38	1	5		62	NIPI	Vietnamese
19	KYREEV	CTK3	54	1	6		90	NIPI	Russian
20	VŨ CHI KIẾN	PPD					77	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÀO MẠNH HUY	PPD	91	1	4	90	80	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI NGOC DUNG	PPD	90	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	19	20	98	1.404	0	9		CHUYỂN 10 PAX P8 SANG PPD
2	P8	0	0	0	0	20	0 + 10		
3	PPD	3	2	12	215	90	13		
TOTAL		22	22	110	1.619	110	22		
WEIGHT KG				110	1.619	110			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/07/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về				Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng			
1		PVD2+TD1+RCS	7:25	15+7+0	0+0+0		14+4+4	0+0+0	Chuyển 1 pax từ PVD2-TD1		
2		TD1	7:25	22	0		22	0			
3		RP3+TTC3+CLO	7:25	0+3+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	Chuyển 1 pax từ RP3-TTC3		
4		TD2+TD3+TD1+P2	7:25	20+0+2	0+0+0		19+0+3	0+0+0	Chuyển 1 pax từ TD3-P2; TD3-TD1		
5		P9+P10+CTK3	9:25	10+9+3	0+0+0		7+9+6	0+0+0			
6		RP1+RP2+P2	9:25	6+0+16	0+0+0		0+3+19	0+0+0			
7		BK3+P11+P7	9:25	3+19+0	0+0+0		1+19+2	0+0+0			
8:25		DD3+TTC2+D	9:25	19+19+1	0+0+0		19+3	0+0			
9:25		P10+TD2+D	11:25	13+21+1	0+0+0		13+9	0+0			
10:25		BK10+P1+P6+D	11:25	9+12+1+0	0+0+0		9+12+1	0+0+0			
11:25		P10+PVD2+GLE	11:25	1+18+9+5	0+0+0		1+11+10	0+0+0			
12		P9	11:25	22	0		22	0			
13		BK4+BK3	13:25	18+3	0+0		17+4	0+0			

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/2 NGUOI P1 VỀ BỜ QUA PVD2; BK3-1 AT ĐI VỀ TRONG NGÀY .



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2018	TO: PVD2 - TD1 - RC5	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTuấn - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGO QUY THINH	PVD2	12	1	12		90	KHOAN	Vietnamese
2	MUSTA FA	PVD2	10	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
3	HO TRONG HUYEN	PVD2	11	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
4	KHUONG VAN CHUC	PVD2	04	1	5	53	67	KHOAN	Vietnamese
5	CU THANH NHAN	PVD2	06	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN NGOC KHANH	PVD2	05	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
7	VO THANH GAN	PVD2	14	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
8	VAN DUC MAI	PVD2	01	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
9	LE THANH BINH	PVD2	09	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	MAI DUONG TUNG	PVD2	03	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
11	LE VIET THUC	PVD2	13	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN KHAC DAO	PVD2	07	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	DANG VIET HUNG	PVD2	08	1	13		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THE VINH	PVD2	02	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM VAN NAM	PVD2	15	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	KLIUZHEV R.V	TD1	69	1	5		110	KHOAN	Russian
17	BUI VAN THOM	TD1	73	1	5		52	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM HOA VIET	TD1	70-71	2	10		70	YTE	Vietnamese
19	LE TRONG LUONG	TD1	75	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
20	TRUONG HOANG KHANH	TD1	72	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM CONG TIEN	TD1	74	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN DANH QUY	TD1					72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	15	15	100	1.063	53	14		
2	TD1	7	7	38	522	0	4		
3	RC5	0	0	0	0	30	4		
TOTAL		22	22	138	1.585	83	22		
WEIGHT KG				138	1.585	83			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2018	TO: TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TUAN	TD1	26	1	5	40	70	KHOAN	Vietnamese
2	LE VAN HOAN	TD1	20	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG VAN THUONG	TD1	15	1	2		71	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG VAN DUY	TD1	18	1	4	20	65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG THANG	TD1					50	KHOAN	Vietnamese
6	HUYNH HUU HUNG	TD1	16	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
7	BUI VAN LOI	TD1	13	1	10		81	KHOAN	Vietnamese
8	VU DINH PHONG	TD1	31	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
9	VU THE HUNG	TD1	34	1	10		61	KHOAN	Vietnamese
10	BUI VAN QUYET	TD1	17	1	7		86	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM VAN SON	TD1	32-33	2	15		55	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN CHI CONG	TD1	14	1	10		65	NIPI	Vietnamese
13	LE VAN UAN	TD1	19	1	8		58	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC PHU	TD1	21	1	4		67	PSV	Vietnamese
15	HOANG VAN BAY	TD1	25	1	2		59	PSV	Vietnamese
16	TRIEU MINH HONG	TD1	23	1	2		66	PSV	Vietnamese
17	HOANG MINH PHONG	TD1	24	1	2		68	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN THUAT	TD1	28	1	4		80	PSV	Vietnamese
19	ĐẬU ĐỨC HUNG	TD1	29	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN THANH CONG	TD1	30	1	4		69	PSV	Vietnamese
21	ĐẬU VIỆT BAC	TD1	22	1	3		80	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN HOANG ANH	TD1	27	1	5		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	22	115	1.491	60	22		
TOTAL		22	22	115	1.491	60	22		
WEIGHT KG				115	1.491	60			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

ARRIVAL

PAX 22

PCS 22

BAG 115

PAXW 1.491

CARGO 60



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2018	TO: RP3 - TTC3 - CLO	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VThăng - Vận - Vũ	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ANH KHOA	TTC3	01	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN MẠNH QUÊ	TTC3	28	1	8	23	77	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN CHÁNH	TTC3	02	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
4	VOROBIEV S.L	CLO	09	1	4		95	KHOAN	Russian
5	DATSKO P.D	CLO	04	1	8		100	KHOAN	Russian
6	NGUYỄN VĂN TRUNG	CLO					84	KHOAN	Vietnamese
7	TRỊNH DUY THÀNH	CLO	10	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN TRUNG THÀNH	CLO	05	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	15	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN SINH	CLO	06	1	5	81	64	KHOAN	Vietnamese
11	VU NGỌC LUAN	CLO					86	KHOAN	Vietnamese
12	MAI VĂN HỘI	CLO					74	KHOAN	Vietnamese
13	CHU ĐỨC AI	CLO	02	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
14	ĐO HUY BÌNH	CLO	07	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM NAM HAI	CLO	11	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG THUY	CLO	14	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TUẤN	CLO	13	1	4		77	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY ĐÔNG	CLO	01	1	4		66	PSV	Vietnamese
19	MAI TỬ HAI	CLO	12	1	6		68	PSV	Vietnamese
20	LÊ MINH MINH	CLO	03	1	6		70	PSV	Vietnamese
21	HOANG HUU THU	CLO	08	1	5		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 01 PAX TU RP3 SANG TTC3	
2	TTC3	3	3	21	225	23	0		
3	CLO	18	15	81	1.384	81	22		
TOTAL		21	18	102	1.609	104	22		
WEIGHT KG				102	1.609	104			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2018	TO: TD2 - TD3 - TD1 - P2	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LHai - Khanh - HTNam	ETA: 09:30
trang-1a			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN PHONG*TT	TD2	90	1	5	50	60	KHOAN	Vietnamese
2	BAMBUROV E.N.	TD2	86	1	16		94	KH-THAC	Russian
3	ĐỖ NGỌC QUANG	TD2	92	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VĂN XUAN	TD2	93	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC TUẤN	TD2	88	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
6	DUƠNG HAI BANG	TD2	94	1	3		88	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HUNG	TD2	89	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN VĂN BÌNH	TD2	84	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HUY THAI	TD2	87	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ HUNG CUÔNG	TD2	83	1	3		93	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ GIÁP	TD2	82	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ HAI HOA	TD2	80	1	5		82	NHA THAU	Vietnamese
13	ROZGON	TD2	81	1	6		91	D-HANH	Russian
14	STAZHINSKY	TD2	85	1	5		92	D-HANH	Russian
15	LƯU TIEN THANH	TD2	95-96	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN QUANG HOANG	TD2	98	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG KHA	TD2	97	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRỌNG BẢNG	TD2	99	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN KHÁNH TOÀN	TD2	91	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ TRỌNG HIẾN	TD2	900	1	10		65	DVL	Vietnamese
21	PASHIN VP	P2	64	1	3		85	KH-THAC	Russian
22	NGUYEN MANH HUNG	P2	65	1	15	35	77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	20	21	134	1.506	50	18		
2	TD3	0	0	0	0	0	0	2	CHUYEN 01 PAX TU TD3 SANG TD1
3	TD1	0	0	0	0	0	0		CHUYEN 01 PAX TU TD3 SANG P2
4	P2	2	2	18	162	35	4		
TOTAL		22	23	152	1.668	85	22		
WEIGHT KG				152	1.668	85			

GRAND TOAL: 1.905 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2018	TO: P9 - P10 - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTuấn - DTùng	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BA THANH	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC THANH	P9	26	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN THANH HAI	P9	31	1	5	35	88	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TAM THUY	P9	22	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO VIỆT HAI	P9	32	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
6	LE LANG TU	P9	27-28	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HOAI THANH	P9	29	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC TIEN	P9	30	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	20	1	10		52	YTE	Vietnamese
10	LÊ QUANG HA	P9	21	1	7		65	PSV	Vietnamese
11	EVSEEV O.V	P10	15	1	10		100	KH-THAC	Russian
12	PODUMOV D.N	P10	46	1	8		145	KH-THAC	Russian
13	NGUYEN QUỐC KHANH	P10	17	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN KIM NGỌC	P10	77-78	2	7		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THẾ HUNG	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG SY NGUYEN	P10	02	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ NGUYEN TRUNG	P10				80	50	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM VĂN HƯƠNG	P10	18	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN HỮU TRI	P10	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN NGỌC BÌNH	CTK3	23	1	5		70	NIPI	Vietnamese
21	NGUYEN MẠNH HA	CTK3	22	1	4		67	NIPI	Vietnamese
22	LE MẠNH HUNG	CTK3	99	1	5		70	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	10	10	58	691	35	7		
2	P10	9	8	55	725	80	9		
3	CTK3	3	3	14	207	0	6		
TOTAL		22	21	127	1.623	115	22		
WEIGHT KG				127	1.623	115			

GRAND TOAL: 1.865 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2018	TO: RP1 - RP2 - P2	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: LHai - Khanh - HTNam	ETA: 11:30
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU VAN HAY	RP1	36	1	10	26	81	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC BÌNH	RP1	37	1	6	64	78	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM MINH VU	RP1	34	1	11		76	XAYLAP	Vietnamese
4	NGO TRUNG KIEN	RP1	35	1	6		73	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN NGOC TUAN ANH	RP1	38	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
6	THAI DOAN BINH	RP1	32	1	6		74	NIPI	Vietnamese
7	NGUYEN DANG NGOC	RP1	51	1	3		71	PSV	Vietnamese
8	LÊ TRI HAO	P2				29	65	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ CÔNG ANH	P2	79	1	5	10	68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN ANH ĐỨC	P2	81	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐO HUU NGUYEN	P2	80	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG THANH TRUNG	P2	76	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	BIỆN ĐANG SAM	P2	78	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ TRUNG CƯỜNG	P2	82	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	90	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THE KHUONG	P2	77	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TÔ ĐÌNH TUYEN	P2	89	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					71	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG MINH QUAN	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUYET CHIEN	P2	75	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
21	DƯƠNG TRƯỜNG LAM	P2	74	1	5		68	KH	Vietnamese
22	LƯƠNG MINH PHỤNG	P2	83	1	10		62	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	7	7	52	525	90	0		
2	RP2	0	0	0	0	5	3		
3	P2	15	12	74	1.006	39	19		
TOTAL		22	19	126	1.531	134	22		
WEIGHT KG				126	1.531	134			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2018	TO: BK3 - P11 - P7	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Luy	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ARTIUSHIN	BK3	21	1	5	40	85	ANTOAN	Russian
2	NG. BA DUY	BK3	19-20	2	17		58	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐO VAN TU	BK3					80	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG MANH CUONG	P11				30	60	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN CO	P11	93	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
6	LE NGOC ANH	P11	92	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRUONG NHAT MINH	P11	95-96	2	12		78	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN CONG HOANG	P11	36	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
9	MAI CONG LAN	P11					67	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM DUC BINH	P11	91	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN TIEN HIEP	P11	40	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI VAN TUAN	P11					50	KH-THAC	Vietnamese
13	CAO MINH HOANG	P11	37	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO THAI HA	P11	94	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
15	TO TIEN HUNG	P11	99	1	6		76	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC TUNG	P11	98	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
17	LE ANH TUAN	P11	38	1	12	32	63	CODIEN	Vietnamese
18	PHAM VAN DUC	P11	39	1	8	13	79	T-TIN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HIEN	P11	97	1	2		74	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG TAN	P11	88	1	3		59	PSV	Vietnamese
21	ĐINH QUANG KHÔI	P11	89	1	5		55	PSV	Vietnamese
22	ĐO DUC HIEP	P11	90	1	6		52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	3	3	22	223	40	1		
2	P11	19	17	103	1.255	75	19		
3	P7	0	0	0	0	30	2		
TOTAL		22	20	125	1.478	145	22		
WEIGHT KG				125	1.478	145			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

ARRIVAL

PAY ON



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2018	TO: DD3 - TTC2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: VThăng - Văn - Vũ	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC LE	DD3	16	1	10	12	75	KHOAN	Vietnamese
2	ABDUL THALEB	DD3	19	1	10	35	77	KHOAN	Indonesian
3	HARYANTO	DD3	09	1	8		85	KHOAN	Indonesian
4	SYAHPUTRA SIMANJUNTAK	DD3	15	1	6		95	KHOAN	Indonesian
5	DINH HUY HOANG	DD3	17	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
6	TRUONG CONG DIEN	DD3	03	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM VAN DUC	DD3	18	1	5		52	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM THE LONG	DD3	06	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
9	LE DANG NGUYEN	DD3	14	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
10	VU VAN NAM	DD3	08	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG ANH VAN	DD3	07	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC HUONG	DD3	05	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
13	TU DUONG HUNG	DD3	01	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
14	LE MINH NHUT	DD3	21	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN TUAN DUNG	DD3	20	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
16	MAI MINH THAO	DD3	04	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN KHANH TOAN	DD3				35	67	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM VAN LAM	DD3	02	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
19	NG. THANH TRUNG	DD3	13	1	11		71	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TIEN QUY	TTC2	09	1	10	63	79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	DD3	19	18	118	1.372	82	19		
2	TTC2	1	1	10	79	63	3		
TOTAL		20	19	128	1.451	145	22		
WEIGHT KG				128	1.451	145			

GRAND TOAL: 1.724 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

ARRIVAL

PAX CARGO

19

22



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2018	TO: P10 - TD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - PTUÂN	ETA: 13:10
xanh-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG VĂN HỘI	P10	88	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN TÂM NHÂN	P10	14	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM ĐÌNH TUÂN	P10	08	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	VÕ XUÂN TUÂN	P10	10	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM MINH TOÀN	P10	06	1	5	35	58	YTE	Vietnamese
6	VŨ BAO TRUNG	P10	15	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	84	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10	03	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH CÔNG VĂN	P10	87	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRỊNH XUÂN QUAN	P10	83	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ TRỌNG TỰ	P10	02	1	5		63	NHA THAU	Vietnamese
12	NGUYỄN TRƯỞNG THANH	P10	89	1	5		65	NHA THAU	Vietnamese
13	ĐỖ PHU DAT	P10	04-05	2	10		75	NHA THAU	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	P10	07	1	5		65	NHA THAU	Vietnamese
15	TRẦN VĂN SƠN	P10	13	1	10		55	NHA THAU	Vietnamese
16	LE VAN HA	P10	86	1	5		60	NHA THAU	Vietnamese
17	NGO QUANG KHIEM	P10	85	1	5		60	NHA THAU	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	91	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	LE QUỐC TIEN	P10	90	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NAM	P10	09	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	01	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD2	72	1	5	70	75	BYET	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	21	22	130	1.439	35	13		
2	TD2	1	1	5	75	70	9		
TOTAL		22	23	135	1.514	105	22		
WEIGHT KG				135	1.514	105			

GRAND TOAL: 1.754 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2018	TO: BK10 - P1 - P6	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - Luy	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG. XUÂN ANH	BK10	40-41	2	20	60	62	KH-THAC	Vietnamese
2	SHENSHYN DMYTRO	BK10	33	1	10		101	KH-THAC	Russian
3	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	34	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN CHAU NAM	BK10	36	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HIỆN TRƯỞNG	BK10	37	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TUẤN ANH	BK10	35	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CHÍ HƯƠNG	BK10	38	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC TOÀN	BK10	200	1	9		69	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ TUẤN ANH	BK10	30	1	10	15	72	XAYLAP	Vietnamese
10	KHUDAEV	BK10	99	1	10		71	XAYLAP	Russian
11	ĐẶNG THANH SƠN	BK10	39	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ HỒNG DƯƠNG	BK10	25-26	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HÀ	BK10	24	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN PHI BĂNG	BK10	69	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ QUANG HÙNG	BK10	19	1	6		73	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ VĂN DƯƠNG	BK10	17-18	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐỖ VĂN CƯỜNG	BK10	67	1	10		59	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ VĂN BÌNH	BK10	28-29	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG BẠCH	BK10	44,51	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ TIÊN QUY	BK10	32	1	5		62	PSV	Vietnamese
21	ĐÀO MINH ĐỨC	BK10	27	1	7		67	PSV	Vietnamese
22	PHẠM ĐỨC BÓN	P1	37	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	21	26	221	1.453	75	9		
2	P1	1	1	7	60	0	12		
3	P6	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	27	228	1.513	75	22		
WEIGHT KG				228	1.513	75			

GRAND TOTAL: 1.816 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2018	TO: P9	AIRCRAFT: 424	ETD: 11:50
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: ĐỨC - LHai - HTNam	ETA: 13:30
trang-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ANH TU	P9	95	1	15		62	HOP DONG	Vietnamese
2	VO QUANG HA	P9	94	1	15	70	70	HOP DONG	Vietnamese
3	NGUYEN HUU DINH	P9	79	1	10		73	HOP DONG	Vietnamese
4	TRAN VAN SAU	P9	81	1	10		56	HOP DONG	Vietnamese
5	BUI VAN DANH	P9	80	1	9		65	HOP DONG	Vietnamese
6	TRINH THE NHAN	P9	82	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HIEU	P9	88	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN MINH HIEN	P9	93	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH TUNG	P9	99	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐAU THE HAI	P9	91	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
11	HUA SAY	P9	92	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI CONG THANG	P9	87	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN XUAN HUONG	P9	86	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN NGOC DO	P9	84	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TUAN ANH	P9	85	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN DA KHA	P9	90	1	3		88	KH-THAC	Vietnamese
17	LUONG XUAN THAI	P9	89	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRINH HUY KHIEM	P9	76	1	5	15	71	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN QUE	P9	83	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HUU ĐỨC	P9	97-98	2	15		84	T-TIN	Vietnamese
21	PHAN HONG SON	P9	96	1	5		62	T-TIN	Vietnamese
22	NGUYEN VAN CHIEU	P9	78	1	5		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	22	23	161	1.525	85	22		
	TOTAL	22	23	161	1.525	85	22		
	WEIGHT KG			161	1.525	85			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2018	TO: P10 - PVD2 - CLO	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:40
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Văn - TRƯỜNG - Vũ	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ ĐÌNH VĂN	P10	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HỮU TRI	P10					75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU THANH VINH	P10	16	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG MẠNH	P10	19	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG AN	P10	20	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
6	HÀ XUÂN THANH	P10	23-24	2	17	20	72	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH TIÊN	P10	21-22	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI CÔNG TRÌNH	P10	18	1	5		63	PVE	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG HUNG	PVD2	17	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TÂN VUÔNG	PVD2	16	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TIÊN BÌNH	PVD2	15	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THAI BÌNH	PVD2	09-10	2	17	125	68	KHOAN	Vietnamese
13	BUI ĐÌNH THÀNH	PVD2	12-13	2	10		77	KHOAN	Vietnamese
14	TRƯỜNG VĂN THỌ	PVD2	08	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
15	ĐÀU XUÂN HOÀNG	PVD2	14	1	9		67	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM THẾ TÂM	PVD2	18-19	2	14	CARGO	77	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ MẠNH HÙNG	PVD2	11	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	VU MẠNH HUƠNG	CLO	98	1	4		50	PSV	Vietnamese
19	LẠI ĐÌNH HẢI	CLO	91	1	5		85	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TUÂN	CLO	93	1	2		72	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH TÙNG	CLO	92	1	5		74	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH HẬU	CLO	97	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	8	9	63	538	20	1		
2	PVD2	9	12	81	654	25	11		
3	CLO	5	5	21	356	0	10		
TOTAL		22	26	165	1.548	45	22		
WEIGHT KG				165	1.548	45			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2018	TO: BK4 - BK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 13:30
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - PTUÁN	ETA: 15:10
NAU-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN CUONG	BK4	49,84	2	8		85	KH-THAC	Vietnamese
2	TONG TRUNG HUY	BK4	43	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN ĐUC BA	BK4	94	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐO TUAN VIET	BK4	85	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOAN NGUYEN BAO CHAU	BK4	44	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
6	TRUONG THE VINH	BK4	42	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
7	VU DINH THUAN	BK4	47-48	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
8	HA CHIEN THANG	BK4	46	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
9	CAO VAN HOI	BK4	45	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
10	VU XUAN CHINH	BK4	39	1	18		60	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN QUY DUNG	BK4	35	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
12	VÔ NGUYEN MINH PHUOC	BK4	36-37	2	18	70	72	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN MINH HUNG	BK4	38	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN DINH TOI	BK4	95-96	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
15	PHUNG THE TAI	BK4	33-34	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
16	LE VAN HUNG	BK4	40-41	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN TRUNG QUYEN	BK4	86-87	2	18		58	XAYLAP	Vietnamese
18	HỒ VAN ĐUC	BK4	88-89	2	7		65	PSV	Vietnamese
19	LE CONG VINH	BK3	26	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN PHONG	BK3	25	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN ĐUC MAN	BK3	24	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	18	26	201	1.231	70	17		
2	BK3	3	3	18	190	0	4		
TOTAL		21	29	219	1.421	70	21		
WEIGHT KG				219	1.421	70			

GRAND TOAL: 1.710 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

ARRIVAL

17

21